

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 71

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam) ("Công ty") là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13 TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC28/KDBH ngày 5 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, sản phẩm bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 75 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 13 chi nhánh, 07 văn phòng đại diện, 26 văn phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Harshal Ashok Shah	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2025
Ông Sachin Niranjana Shah	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2025
Ông Mark Anton Van den Broek	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2025
Bà Wíng Kí Chu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2025
Bà Yan Hai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2025
Ông Matthew Edward Lawrence	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh (Tina Nguyễn)	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh (Tina Nguyễn)	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2023
Ông Rajeev Kumar	Phó Tổng Giám đốc Khối Tài chính	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2023
Ông Ashish Mangal	Phó Tổng Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bảo hiểm	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2024
Ông Manish Sangal	Phó Tổng Giám đốc Khối Phân phối Kênh Đại lý	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc Khối Phân phối Kênh Đối tác	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2024

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là bà Nguyễn Thị Hồng Thanh (Tina Nguyễn), chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12238256/68733818

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam) (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 36 – Dữ liệu tương ứng, trong đó mô tả việc trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 7 tháng 1 năm 2026 của Chi cục thuế doanh nghiệp lớn tại Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đồng thời, Công ty cũng trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng để điều chỉnh lại các số dư liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 đến năm 2022, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 và năm 2024, và chi phí tái bảo hiểm năm 2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DNNT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		54.596.580.480.169	47.828.125.860.712
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.032.035.850.709	5.391.586.274.187
111	1. Tiền		1.032.035.850.709	1.255.682.930.782
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.135.903.343.405
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	50.103.263.786.367	38.370.630.876.424
121	1. Đầu tư ngắn hạn		50.233.741.401.716	38.614.865.828.795
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(130.477.615.349)	(244.234.952.371)
130	III. Các khoản phải thu		3.418.491.314.256	4.013.486.724.590
131	1. Phải thu khách hàng		977.891.970.470	1.382.001.084.000
131.1	1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6	977.891.970.470	1.382.001.084.000
132	2. Trả trước cho người bán		17.697.682.748	15.387.961.245
135	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	2.465.634.965.735	2.657.427.703.190
139	4. Dự phòng phải thu khó đòi		(42.733.304.697)	(41.330.023.845)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		42.789.528.837	52.421.985.511
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		42.512.089.676	49.785.692.673
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		277.439.161	2.636.292.838
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		101.549.114.722.512	89.919.724.122.821
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		125.647.754.550	71.499.683.875
218	1. Phải thu dài hạn khác	8	125.647.754.550	71.499.683.875
218.1	1.1 Kỳ quỹ bảo hiểm		32.171.369.001	31.219.327.724
218.2	1.2 Phải thu dài hạn khác		93.476.385.549	40.280.356.151
220	II. Tài sản cố định		228.523.074.410	160.137.942.993
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	160.944.673.118	145.498.383.548
222	Nguyên giá		482.231.573.908	464.201.405.356
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(321.286.900.790)	(318.703.021.808)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	67.578.401.292	14.639.559.445
228	Nguyên giá		95.648.933.247	32.919.769.507
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.070.531.955)	(18.280.210.062)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.668.617.432	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.668.617.432	-
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn	11	78.441.631.498.910	73.425.609.071.101
251	1. Đầu tư vào công ty con		83.000.000.000	83.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		78.361.879.666.685	73.347.500.297.849
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.248.167.775)	(4.891.226.748)
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.785.608.463.739	4.970.218.497.262
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.637.297.359.918	3.778.537.390.603
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.148.311.103.821	1.191.681.106.659
269	V. Tài sản tài khoản riêng	3.20	17.954.035.313.471	11.292.258.927.590
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		156.145.695.202.681	137.747.849.983.533

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DNNT

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		129.816.035.074.399	114.234.868.334.907
310	I. Nợ ngắn hạn		9.780.986.138.951	10.033.111.054.824
312	1. Phải trả người bán	13	3.001.147.340.226	2.986.652.434.592
312.1	1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		2.909.888.463.841	2.885.449.055.218
312.2	1.2 Phải trả khác cho người bán		91.258.876.385	101.203.379.374
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.731.800.488.143	1.575.697.194.781
315	3. Phải trả người lao động		133.372.440.401	174.393.511.982
316	4. Chi phí phải trả	15	2.241.603.144.409	2.593.938.883.471
319	5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	16.1	2.582.510.446.187	2.609.398.063.353
319.1	6. Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.2	90.552.279.585	93.030.966.645
330	II. Nợ dài hạn		102.081.013.621.977	92.909.498.352.493
333	1. Phải trả dài hạn khác		16.982.875.552	17.341.642.421
344	2. Dự phòng nghiệp vụ	17	102.064.030.746.425	92.892.156.710.072
344.1	2.1 Dự phòng toán học		98.271.452.175.433	89.305.117.471.726
344.2	2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng		519.801.206.394	283.352.645.789
344.3	2.3 Dự phòng bồi thường		639.397.435.720	421.824.122.905
344.4	2.4 Dự phòng chia lãi		2.403.832.789.613	2.691.354.818.549
344.5	2.5 Dự phòng đảm bảo cân đối		179.172.257.105	146.392.306.696
344.6	2.6 Dự phòng đảm bảo khả năng thanh toán bổ sung		50.374.882.160	44.115.344.407
350	III. Công nợ tài khoản riêng	3.20	17.954.035.313.471	11.292.258.927.590
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	26.329.660.128.282	23.512.981.648.626
410	I. Nguồn vốn		26.329.660.128.282	23.512.981.648.626
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.220.000.000.000	22.220.000.000.000
419	2. Quỹ dự trữ bắt buộc		722.852.978.947	582.019.054.964
421	3. Lãi lũy kế		3.386.807.149.335	710.962.593.662
421a	3.1 Lãi/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước		710.962.593.662	(2.554.262.609.079)
421b	3.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.675.844.555.673	3.265.225.202.741
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		156.145.695.202.681	137.747.849.983.533

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DNNT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Cam kết thuê hoạt động (VND)	31	290.750.679.708	400.134.491.806
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		69.833.780.282	59.316.372.947
3. Ngoại tệ (Đô la Mỹ)		113.611.571,05	113.639.260,89

Bà Lê Thị Hoàng Trúc
Kế toán trưởng

Ông Rajeev Kumar
Phó Tổng Giám đốc
Khối Tài chính



Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

B02-DNNT

Phần 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	15.637.730.932.875	17.088.247.335.631
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	7.651.937.775.796	7.549.916.897.944
13	3. Thu nhập khác	4.717.884.741.388	4.941.301.299.129
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(18.588.502.466.242)	(19.213.636.063.261)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(1.739.808.102.716)	(1.440.536.462.770)
23	6. Chi phí bán hàng	(1.260.357.762.717)	(1.725.330.313.979)
24	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.423.853.601.295)	(2.956.395.526.113)
25	8. Chi phí khác	(449.816.426.632)	(5.770.428.937)
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.545.215.090.457	4.237.796.737.644
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(685.166.607.963)	(836.396.974.289)
52	11. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(43.370.002.838)	35.679.397.425
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.816.678.479.656	3.437.079.160.780

Bà Lê Thị Hoàng Trúc
Kế toán trưởng

Ông Rajeev Kumar
Phó Tổng Giám đốc
Khối Tài chính



Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

B02-DNNT

Phần 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm	19	16.176.514.431.115	17.810.854.800.193
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		16.412.962.991.720	17.820.947.400.960
01.3	- Tăng phòng phí chưa được hưởng		(236.448.560.605)	(10.092.600.767)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm	20	(541.050.537.766)	(722.614.071.292)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần		15.635.463.893.349	17.088.240.728.901
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		2.267.039.526	6.606.730
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		15.637.730.932.875	17.088.247.335.631
11	6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	21	(9.060.309.247.137)	(7.883.630.608.486)
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	449.965.982.902	369.068.240.824
13	8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	21	(9.194.438.322.428)	(10.663.836.064.877)
15	9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	21	(17.804.781.586.663)	(18.178.398.432.539)
16	10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22	(783.720.879.579)	(1.035.237.630.722)
	<i>Trong đó:</i>			
16.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(704.850.423.774)	(985.299.671.622)
16.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(78.870.455.805)	(49.937.959.100)
17	11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(18.588.502.466.242)	(19.213.636.063.261)
18	12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(2.950.771.533.367)	(2.125.388.727.630)
22	13. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7.651.937.775.796	7.549.916.897.944
23	14. Chi phí hoạt động tài chính	24	(1.739.808.102.716)	(1.440.536.462.770)
24	15. Lợi nhuận hoạt động tài chính		5.912.129.673.080	6.109.380.435.174

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

B02-DNNT

Phần 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
25	16. Chi phí bán hàng	25	(1.260.357.762.717)	(1.725.330.313.979)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2.423.853.601.295)	(2.956.395.526.113)
30	18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(722.853.224.299)	(697.734.132.548)
31	19. Thu nhập khác	27	4.717.884.741.388	4.941.301.299.129
32	20. Chi phí khác	27	(449.816.426.632)	(5.770.428.937)
40	21. Lợi nhuận khác	27	4.268.068.314.756	4.935.530.870.192
50	22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.545.215.090.457	4.237.796.737.644
51	23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(685.166.607.963)	(836.396.974.289)
52	24. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(43.370.002.838)	35.679.397.425
60	25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.816.678.479.656	3.437.079.160.780

Bà Lê Thị Hoàng Trúc
Kế toán trưởng

Ông Rajeev Kumar
Phó Tổng Giám đốc
Khối Tài chính



Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		3.545.215.090.457	4.237.796.737.644
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9,10	57.253.974.181	49.055.009.641
03	Các khoản dự phòng		9.068.394.328.545	10.159.438.957.141
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		25.621.308.974	104.306.024.731
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.914.173.616.152)	(5.967.964.451.075)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.782.311.086.005	8.582.632.278.082
09	Giảm các khoản phải thu		359.003.768.960	919.124.410.127
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(175.548.077.385)	261.152.906.334
12	Giảm các khoản chi phí trả trước		148.631.633.682	1.294.498.002.499
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		378.884.122.679	(112.112.172.174)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(910.867.295.723)	(247.140.935.938)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.582.415.238.218	10.698.154.488.930
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	9,10	(145.709.600.933)	(51.024.357.597)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		133.152.727	2.914.906.011
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(88.422.104.932.651)	(64.279.575.209.432)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		71.859.579.715.522	50.894.013.268.769
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.765.426.829.870	4.581.194.637.441
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.942.674.835.465)	(8.852.476.754.808)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.360.259.597.247)	1.845.677.734.122
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	5.391.586.274.187	3.545.531.371.085
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		709.173.769	377.168.980
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	1.032.035.850.709	5.391.586.274.187



Bà Lê Thị Hoàng Trúc
Kế toán trưởng

Ông Rajeev Kumar
Phó Tổng Giám đốc
Khối Tài chính

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-DNNT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam) (“Công ty”) là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13 TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC28/KDBH ngày 5 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, sản phẩm bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 75 đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 13 chi nhánh, 07 văn phòng đại diện, 26 văn phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 949 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 997 người).

Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (“MIMV”)	Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%

MIMV được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 04/UBCK-GPHĐQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh mới nhất ngày 12 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán đang được Công ty áp dụng là Nhật ký chứng từ.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đồng tiền kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo đồng Việt Nam ("VND") và đây cũng là đồng tiền kế toán của Công ty.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo quy định hiện hành.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu này. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và đã được xóa sổ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản theo các tỷ lệ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 36 năm
Chi phí nâng cấp văn phòng	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Đồ đạc và trang thiết bị	5 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản phần mềm chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng phần mềm mới.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được hoàn thành, đưa vào sử dụng và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 *Các khoản đầu tư*

3.8.1 *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong phần "Các khoản đầu tư ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán riêng. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Công ty thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8.2 *Đầu tư vào công ty con*

Đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8.3 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

3.8.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8.5 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư tài chính vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} \\ - \\ \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng} \end{array} \right)$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, cùng một công thức được sử dụng để xác định phần giảm giá chứng khoán. Những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị thị trường phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- ▶ Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.
- ▶ Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác chưa được đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM là giá bình quân tính trên các báo giá của hai công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.
- ▶ Đối với các chứng khoán chưa niêm yết không xác định được giá thị trường thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được lập nếu công ty con đang trong tình trạng lỗ.

Theo đó mức trích dự phòng được tính toán theo công thức như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư} = \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (\%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \times \text{Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} - \text{Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế - nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng}$$

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Lợi ích của nhân viên

3.10.1 Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản

Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty khi nghỉ hưu hoặc ốm đau, thai sản. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội. Trước ngày 1 tháng 7 năm 2021, khoản đóng góp này ở mức 17,5% tiền lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở. Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg được ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2021 có hiệu lực, mức đóng này giảm từ 17,5% xuống 17% tiền lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở. Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022, mức đóng này tăng từ 17% lên 17,5% tiền lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở. Ngoài khoản đóng góp này, Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí, ốm đau và thai sản đối với nhân viên của mình.

3.10.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.10.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0% theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ngày 1 tháng 10 năm 2021) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ

Các khoản nợ của hợp đồng bảo hiểm cho các sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng ("UPR"), dự phòng bồi thường, dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận ("IBNR"), dự phòng chia lãi và dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập phù hợp với các nguyên tắc tính toán bảo hiểm được chấp nhận chung và các quy định cụ thể trong Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành.

Dự phòng toán học được tính toán cho từng hợp đồng bảo hiểm cụ thể và dự phòng được tính toán cho mỗi hợp đồng bảo hiểm phải lớn hơn hoặc bằng không (0).

- ▶ Đối với hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi có thời hạn hơn một năm:
 - Những hợp đồng bảo hiểm phát hành sau ngày 1 tháng 1 năm 2006:
 - ✓ Đối với các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp bệnh lý nghiêm trọng - chi trả qua ba giai đoạn, sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp bệnh lý nghiêm trọng - chi trả qua ba giai đoạn mở rộng, sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp giáo dục - tích hợp bệnh lý nghiêm trọng, sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp giáo dục - tích hợp bệnh lý nghiêm trọng mở rộng: dự phòng toán học được trích lập theo số lớn hơn giữa phương pháp Phí Bảo Hiểm Gộp và phương pháp Zillmer 3%.
 - ✓ Đối với các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp khác: dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp Zillmer 3%.
 - ✓ Phương pháp Zillmer 3% là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Các khoản phải trả bảo hiểm bao gồm bồi thường tử vong, bồi thường thương tật, chi trả thưởng và giá trị đáo hạn hợp đồng.
 - ✓ Phương pháp Phí Bảo Hiểm Gộp, tức phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của toàn bộ số tiền phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của các khoản phải thu phí bảo hiểm gộp trong tương lai. Các khoản phải trả bảo hiểm bao gồm bồi thường tử vong, bồi thường thương tật, chi trả thưởng và giá trị đáo hạn hợp đồng, giá trị hoàn lại, bảo tức, hoa hồng và các chi phí khác.
 - ✓ Các giả định được sử dụng để tính toán dự phòng toán học cho các hợp đồng bảo hiểm này đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính và theo quy định tại Điều 38.2.a và b Thông tư 67/2023/TT-BTC:
 - Phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh dùng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thu được.
 - Các tỷ lệ tử vong được sử dụng dựa trên bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.
 - Lãi suất kỹ thuật tối đa không vượt quá 80% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong 24 tháng gần nhất trước thời điểm trích lập dự phòng và lãi suất kỹ thuật được sử dụng để trích lập dự phòng không được vượt quá tỷ suất đầu tư bình quân của bốn (4) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm và lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm;
 - Những hợp đồng bảo hiểm phát hành trước ngày 1 tháng 1 năm 2006, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp Phí Bảo Hiểm Gộp, tức phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của toàn bộ số tiền phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của các khoản phải thu phí bảo hiểm gộp trong tương lai. Các khoản phải trả bảo hiểm bao gồm bồi thường tử vong, bồi thường thương tật, chi trả thưởng và giá trị đáo hạn hợp đồng, giá trị hoàn lại, bảo tức, hoa hồng và các chi phí khác. Các giả định được sử dụng để tính toán dự phòng toán học cho các hợp đồng bảo hiểm này đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính. Dự phòng này không được thấp hơn mức dự phòng tối thiểu tính dựa trên phương pháp Zillmer 3%.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ Đối với hợp đồng không tham gia chia lãi, bao gồm Sản phẩm bảo hiểm tử kỳ hoàn phí thời hạn 7 năm, Sản phẩm bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí, Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi tử kỳ ("Quyền lợi kỳ hạn đảm bảo"), Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi Tử Vong Đóng Phí Ngắn Hạn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp Zillmer 3% với mức trần của phí bảo hiểm thuần để tính dự phòng không lớn hơn 90% của phí bảo hiểm thực tế thu được. Dự phòng này không được thấp hơn mức dự phòng tối thiểu tính dựa trên phương pháp FPT. Phương pháp FPT dựa trên sự khác biệt giữa giá trị hiện tại của dòng tiền bảo hiểm phải chi trả trong tương lai, và giá trị hiện tại của dòng phí bảo hiểm thuần có điều chỉnh theo phương pháp FPT cho khoản phí bảo hiểm được nhận trong tương lai. Dòng tiền bảo hiểm phải chi trả trong tương lai bao gồm quyền lợi tử vong, quyền lợi thương tật, quyền lợi phiếu tiền mặt, quyền lợi đáo hạn, và quyền lợi hoàn phí. Cơ sở trích lập theo quy định tại Điều 38.2.b Thông tư 67/2023/TT-BTC:
 - Các tỷ lệ tử vong được sử dụng dựa trên bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.
 - Lãi suất kỹ thuật tối đa không vượt quá 80% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong 24 tháng gần nhất trước thời điểm trích lập dự phòng và lãi suất kỹ thuật được sử dụng để trích lập dự phòng không được vượt quá tỷ suất đầu tư bình quân của bốn (4) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm và lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm.
- ▶ Đối với các sản phẩm bổ trợ gắn kèm hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi: Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi Tử Vong Và Thương Tật Do Tai Nạn Đóng Phí Ngắn Hạn, Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn Đóng Phí Ngắn Hạn, Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi Bệnh Lý Nghiêm Trọng Đóng Phí Ngắn Hạn, Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi miễn nợ phí dành cho Người Được Bảo Hiểm, Bảo hiểm bổ trợ quyền lợi Miễn Nợ Phí Dành Cho Bên Mua Bảo Hiểm, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp Zillmer 3%. Cơ sở trích lập theo quy định tại Điều 38.2.b Thông tư 67/2023/TT-BTC:
 - Các tỷ lệ tử vong được sử dụng dựa trên bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.
 - Lãi suất kỹ thuật tối đa không vượt quá 80% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong 24 tháng gần nhất trước thời điểm trích lập dự phòng và lãi suất kỹ thuật được sử dụng để trích lập dự phòng không được vượt quá tỷ suất đầu tư bình quân của bốn (4) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm và lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm.
- ▶ Đối với những hợp đồng bảo hiểm bổ trợ Trợ Cấp Y Tế - Gia Hạn hàng Năm gắn kèm hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi, Sản phẩm bảo hiểm tử kỳ trợ cấp nằm viện do tai nạn, Sản phẩm bảo hiểm tử kỳ với quyền lợi hỗ trợ quyền lợi phẫu thuật, dự phòng toán học được trích lập là phương pháp Zillmer 3% với mức trần của phí bảo hiểm thuần để tính dự phòng không lớn hơn 90% của phí bảo hiểm thực tế thu được. Dự phòng này không được thấp hơn mức dự phòng tối thiểu tính dựa trên phương pháp phí chưa được hưởng 1/8.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ Đối với những hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp không chia lãi - bảo vệ toàn diện/tiết kiệm hiệu quả (NPE), dự phòng toán học được trích lập là số lớn hơn giữa phương pháp Zillmer 3% và phương pháp Phí Bảo Hiểm Gộp.
- ▶ Đối với các quyền lợi Bảo Hiểm Tăng Cường gắn kèm hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp không chia lãi - bảo vệ toàn diện/tiết kiệm hiệu quả (NPE): quyền lợi Tử Vong Và Thương Tật Do Tai Nạn Đóng Phí Ngắn Hạn, quyền lợi Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn Đóng Phí Ngắn Hạn, quyền lợi Bệnh Lý Nghiêm Trọng Đóng Phí Ngắn Hạn, quyền lợi Tử Vong Đóng Phí Ngắn Hạn, quyền lợi miễn nộp phí dành cho Người Được Bảo Hiểm, quyền lợi Miễn Nộp Phí Dành Cho Bên Mua Bảo Hiểm, dự phòng toán học được trích lập là số lớn hơn giữa phương pháp Zillmer 3% với mức trần của phí bảo hiểm thuần để tính dự phòng không lớn hơn 90% của phí bảo hiểm thực tế thu được và phương pháp Phí Bảo Hiểm Gộp. Dự phòng này không được thấp hơn mức dự phòng tối thiểu tính dựa trên phương pháp FPT.
- ▶ Đối với các quyền lợi Bảo Hiểm Tăng Cường - Bảo Hiểm Trợ Cấp Y Tế 2014 gắn kèm hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp có quyền lợi nhận thêm lãi (Excess Interest Endowment), dự phòng toán học được trích lập là số lớn hơn giữa phương pháp Zillmer 3% với mức trần của phí bảo hiểm thuần để tính dự phòng không lớn hơn 90% của phí bảo hiểm thực tế thu được và phương pháp Phí Bảo Hiểm Gộp. Dự phòng này không được thấp hơn mức dự phòng tối thiểu tính dựa trên phương pháp phí chưa được hưởng 1/8.
- ▶ Đối với những hợp đồng bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe ung thư 360 và Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe 2019, dự phòng toán học được xác định bằng số lớn hơn giữa Dự Phòng Phí Chưa Được Hưởng theo phương pháp 1/8 và Dự phòng Toán Học theo phương pháp FPT.
- ▶ Đối với những hợp đồng bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm tử kỳ TV-TTTBVV triển khai năm 2025 có thời hạn từ 10 năm, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp FPT.
- ▶ Đối với những hợp đồng bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe hạn mức cao, dự phòng toán học được xác định bằng Dự Phòng Phí Chưa Được Hưởng theo phương pháp 1/8.

Đối với hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm sức khỏe khác và sản phẩm không chia lãi có thời hạn dưới 1 năm, dự phòng phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản phí bảo hiểm đã thu vào ngày kết thúc năm tài chính và được tính toán cho tất cả các đơn bảo hiểm còn hiệu lực tại ngày lập báo cáo. Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo quy định tại Điều 35, Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Dự phòng bồi thường bao gồm: (1) dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và (2) dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận bao gồm dự phòng dựa trên các chi phí ước tính đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại cuối thời điểm lập báo cáo và để đáp ứng các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại cuối thời kỳ lập báo cáo; theo quy định tại Điều 36, Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

Dự phòng chia lãi bao gồm 2 loại:

- ▶ Dự phòng cho phần bảo tức đã công bố:
 - Phần lãi đã công bố sẽ chia cho khách hàng trong năm tài chính.
 - Bảo tức và lãi tích lũy: toàn bộ bảo tức và lãi tích lũy trong các năm tài chính trước đã công bố chia cho khách hàng trong năm tài chính hiện tại.
- ▶ Dự phòng cho phần bảo tức chưa công bố:
 - Dự phòng cho lợi nhuận chưa chia: là khoản tiền được trích lập hàng năm (tối đa lên đến 10% lợi nhuận hàng năm của Quý tham gia chia lãi). Tại thời điểm trích lập, dự phòng này phải thấp hơn 0.5% của thời hạn trung bình còn lại của các hợp đồng tham gia chia lãi nhân với tổng dư nợ của Quý tham gia chia lãi.
 - Bảo tức đặc biệt (nếu có): là khoản điều chỉnh trên bảo tức để tuân thủ theo Khoản 1, Điều 48 – Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023.

Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập bằng 1% lợi nhuận trước thuế và tối đa là 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của công ty bảo hiểm.

Theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Điều 38.3, Thông tư 67/2023/TT-BTC ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung như sau:

- ▶ Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung áp dụng phương pháp trích lập theo tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản đối với các hợp đồng dự kiến xảy ra sự kiện bảo hiểm trong kỳ.
- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng (phí bảo hiểm rủi ro thu được trong tháng) hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền.
- ▶ Dự phòng khoản thưởng duy trì hợp đồng cho khách hàng đủ điều kiện nhận thưởng trong tương lai tại thời điểm báo cáo.
- ▶ Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung (resilience reserve) được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

Theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Điều 38.3, Thông tư 67/2023/TT-BTC ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị như sau:

- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng (phí bảo hiểm rủi ro thu được trong tháng) hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền.
- ▶ Dự phòng khoản thưởng duy trì hợp đồng cho khách hàng đủ điều kiện nhận thưởng tại thời điểm báo cáo.
- ▶ Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

Theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Điều 38.3, Thông tư 67/2023/TT-BTC ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm: là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng (phí bảo hiểm rủi ro thu được trong tháng) và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền.
- ▶ Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí: là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính riêng là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Công ty đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Công ty có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

3.12 Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ dựa theo Nghị định 46.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản bình quân gia quyền của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Đối với hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần, doanh thu được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc giai đoạn tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán riêng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng với lãi suất hiệu dụng của các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Công ty mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Công ty phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Công ty. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Lãi/lỗ hoạt động đầu tư chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn theo phương pháp nhập trước xuất trước của chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận;

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận;

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm; và

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

3.16 Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn

Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo điều khoản của hợp đồng bảo hiểm được xác lập.

3.17 Chi hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 67.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành (bao gồm cả chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải trả cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được hoàn lại từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu. Tập đoàn thỏa điều kiện áp dụng cơ chế miễn trừ trách nhiệm theo Quy tắc An toàn dựa trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong giai đoạn chuyển tiếp tại Việt Nam. Vì vậy, số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung phải nộp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam được xác định bằng không.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, và các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.20 Tài sản và công nợ trên tài khoản riêng

Tài sản trên tài khoản riêng được ghi nhận theo giá trị hợp lý và thể hiện số tiền riêng biệt của chủ hợp đồng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư (gọi tắt là "chủ hợp đồng") được dùng để đầu tư theo quy chế sản phẩm bảo hiểm đầu tư liên kết đơn vị. Các tài sản này chủ yếu bao gồm chứng khoán vốn, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Tài sản của chủ hợp đồng được theo dõi một cách hợp pháp, riêng biệt và không chịu mọi khiếu nại phát sinh từ các công việc kinh doanh khác của Công ty. Chủ hợp đồng phải chịu mọi rủi ro đầu tư gắn liền với các biến động về giá của thị trường, ngoại trừ các khoản bảo đảm tối thiểu mà Công ty cung cấp và khoản tiền phát sinh từ rủi ro tử vong.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Tài sản và công nợ trên tài khoản riêng (tiếp theo)

Công nợ trên tài khoản riêng trình bày công nợ từ số dư tài khoản trong khoản mục tài sản trên tài khoản riêng của chủ hợp đồng và là một phần dự phòng nghiệp vụ theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2023. Phần công nợ này được tính bằng tổng số các đơn vị đầu tư của chủ hợp đồng tại ngày định giá nhân với giá mua của đơn vị quỹ (giá trị tài sản ròng của các quỹ đầu tư từ tài khoản riêng). Doanh thu đầu tư, lãi hoặc lỗ đầu tư được thực hiện từ khoản mục tài sản trên tài khoản riêng khi phát sinh được tính cho chủ hợp đồng và không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Phí quản lý tài sản thu từ chủ hợp đồng được trình bày trong chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.21 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	1.032.035.850.709	1.255.682.930.782
<i>Tiền gửi thanh toán</i>	971.687.631.073	1.206.537.016.845
<i>Tiền đang chuyển</i>	60.348.219.636	49.145.913.937
Các khoản tương đương tiền	-	4.135.903.343.405
<i>Tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam (i)</i>	-	4.135.903.343.405
	1.032.035.850.709	5.391.586.274.187

(i) Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	9.599.283.290.426	9.978.167.413.105
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	9.599.283.290.426	9.974.553.113.105
<i>Cổ phiếu UPCoM</i>	-	3.614.300.000
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh	99.998.381.387	-
Trái phiếu Doanh nghiệp (i)	611.396.418.793	2.124.000.000.000
Tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	36.233.844.479.264	23.535.123.146.124
<i>Tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam (ii)</i>	33.314.946.479.266	20.710.217.846.124
<i>Tiền gửi ngắn hạn bằng đồng USD (iii)</i>	2.918.897.999.998	2.824.905.300.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (iv)	3.516.214.406.900	2.804.570.844.620
Chứng chỉ quỹ	173.000.002.322	173.000.002.322
<i>Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife (v)</i>	70.000.000.000	70.000.000.000
<i>Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife (vi)</i>	33.000.002.322	33.000.002.322
<i>Quỹ đầu tư Năng động Manulife (vii)</i>	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư khác	4.422.624	4.422.624
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(130.477.615.349)	(244.234.952.371)
<i>Dự phòng cho cổ phiếu niêm yết</i>	(127.244.415.270)	(244.071.315.562)
<i>Dự phòng cho trái phiếu doanh nghiệp và đầu tư khác</i>	(3.233.200.079)	(163.636.809)
	50.103.263.786.367	38.370.630.876.424

- (i) Trái phiếu Doanh nghiệp có kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 10 năm, có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm.
- (ii) Tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng, có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,52%/năm đến 8,4%/năm.
- (iii) Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng, có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất 0,00%/năm.
- (iv) Tạm ứng từ giá trị hoàn lại bao gồm các khoản cho vay theo hợp đồng và cho vay phí tự động. Lãi suất của các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại là 5,5%/năm kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.
- (v) Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư vào các chứng khoán, trái phiếu và các công cụ tiền tệ tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("MIMV"). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 20 tháng 7 năm 2017 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- (vi) Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư 100% vào các chứng khoán tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("MIMV"). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 25 tháng 7 năm 2014 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- (vii) Quỹ đầu tư Năng động Manulife là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư vào các chứng khoán, trái phiếu và các công cụ tiền tệ tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("MIMV"). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 10 tháng 10 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đây là các khoản phí bảo hiểm phải thu từ người mua bảo hiểm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải thu lãi trái phiếu	1.415.905.646.688	1.337.351.116.107
Phải thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	663.666.383.498	439.977.647.723
Phải thu đại lý	95.087.392.384	124.704.294.422
Phải thu phí quản lý	80.365.283.506	63.368.793.672
Lãi phải thu từ tạm ứng giá trị hoàn lại	74.424.107.000	58.951.571.000
Tiền môi cho các Quỹ liên kết đơn vị	70.500.000.000	70.500.000.000
Lợi nhuận được chia, cổ tức và trái tức phải thu	27.374.000.000	527.066.500.000
Phải thu về bán cổ phiếu	-	9.601.126.674
Các khoản phải thu khác	38.312.152.659	25.906.653.592
	2.465.634.965.735	2.657.427.703.190

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Ký quỹ dài hạn	17.579.670.865	25.318.986.289
Ký quỹ bảo hiểm (*)	32.171.369.001	31.219.327.724
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	75.896.714.684	14.961.369.862
	125.647.754.550	71.499.683.875

(*) Ký quỹ bảo hiểm là khoản tiền ký quỹ được tính 2% trên vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Nghị định 46.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc và chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Đồ đặc và trang thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	303.363.631.534	140.925.683.872	-	19.912.089.950	464.201.405.356
Mua trong năm	23.747.216.882	36.937.751.016	-	1.641.265.225	62.326.233.123
Tặng khác	-	1.240.850.638	6.010.149.424	-	7.251.000.062
Thanh lý	(39.990.576.112)	(1.054.302.300)	-	(10.502.186.221)	(51.547.064.633)
Số cuối năm	287.120.272.304	178.049.983.226	6.010.149.424	11.051.168.954	482.231.573.908
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	69.022.604.333	78.275.458.313	6.010.149.424	10.934.332.801	164.242.544.871
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(201.053.940.920)	(101.849.249.501)	-	(15.799.831.387)	(318.703.021.808)
Khấu hao trong năm	(27.652.464.049)	(17.184.281.251)	-	(2.016.945.819)	(46.853.691.119)
Tặng khác	(5.633.316)	(604.327.856)	(6.010.149.424)	-	(6.620.110.596)
Thanh lý	39.382.449.604	1.048.893.967	-	10.458.579.162	50.889.922.733
Số cuối năm	(189.329.588.681)	(118.588.964.641)	(6.010.149.424)	(7.358.198.044)	(321.286.900.790)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	102.309.690.614	39.076.434.371	-	4.112.258.563	145.498.383.548
Số cuối năm	97.790.683.623	59.461.018.585	-	3.692.970.910	160.944.673.118

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính</i> VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	32.919.769.507
Mua trong năm	790.073.600
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	68.924.676.778
Giảm khác	(6.985.586.638)
	<u>95.648.933.247</u>
Số cuối năm	95.648.933.247
<i>Trong đó:</i>	
Đã hao mòn hết	9.538.019.302
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(18.280.210.062)
Hao mòn trong năm	(10.400.283.062)
Tăng khác	(335.788.463)
Giảm khác	945.749.632
	<u>(28.070.531.955)</u>
Số cuối năm	(28.070.531.955)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.639.559.445
Số cuối năm	<u>67.578.401.292</u>

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Đầu tư vào công ty con	83.000.000.000	83.000.000.000
Đầu tư vào MIMV	83.000.000.000	83.000.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	78.361.879.666.685	73.347.500.297.849
Trái phiếu (*), trong đó:	76.252.636.149.182	72.047.906.561.513
Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và Trái phiếu Chính quyền địa phương	65.304.936.149.182	61.343.980.103.937
Trái phiếu doanh nghiệp	10.947.700.000.000	10.703.926.457.576
Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi dài hạn (**)	2.109.243.517.503	1.299.593.736.336
	<u>78.444.879.666.685</u>	<u>73.430.500.297.849</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.248.167.775)	(4.891.226.748)
Dự phòng cho trái phiếu doanh nghiệp	(3.248.167.775)	(4.891.226.748)
	<u>78.441.631.498.910</u>	<u>73.425.609.071.101</u>

(*) Bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 30 năm và được hưởng lãi suất từ 2,1%/năm đến 10,5%/năm.

(**) Tiền gửi Ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,5%/năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Mệnh giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Mệnh giá VND	Giá trị ghi sổ VND
Trái phiếu Chính phủ	43.484.163.200.000	44.887.197.299.649	39.359.163.200.000	40.719.913.657.038
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh	18.790.000.000.000	19.367.738.849.533	18.890.000.000.000	19.574.066.446.899
Trái phiếu Chính quyền địa phương	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	10.947.700.000.000	10.947.700.000.000	10.702.463.100.000	10.703.926.457.576
	74.271.863.200.000	76.252.636.149.182	70.001.626.300.000	72.047.906.561.513

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí để cải tạo văn phòng, tiền thuê đất trả trước và chi phí ban đầu cho hợp đồng hợp tác kinh doanh qua kênh Ngân hàng (Bancassurance) được phân bổ trong khoảng thời gian từ trên 1 năm đến 16 năm. Thay đổi của các khoản chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.778.537.390.603	5.058.850.816.256
Tăng trong năm	75.109.700.868	17.949.581.085
Phân bổ trong năm	(152.611.269.961)	(414.582.433.984)
Thanh lý	-	(880.720.720.254)
Xóa sổ	(63.738.461.592)	-
Giảm khác	-	(2.959.852.500)
Số cuối năm	3.637.297.359.918	3.778.537.390.603

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	2.909.888.463.841	2.885.449.055.218
Quyền lợi phiếu tiền mặt và lãi	2.231.474.413.630	2.043.556.016.980
Hoa hồng và chi phí đại lý	223.948.277.681	218.446.081.345
Bồi thường và trả tiền bảo hiểm	207.611.855.545	473.833.173.979
Phải trả quỹ Liên kết đơn vị (*)	138.641.046.062	78.051.244.342
Phải trả cho hoạt động tái bảo hiểm	85.085.413.647	44.442.901.957
Giá trị tài khoản của hợp đồng còn trong thời hạn khôi phục hiệu lực	22.841.721.627	26.948.301.926
Các khoản phải trả khác	285.735.649	171.334.689
Phải trả khác cho người bán	91.258.876.385	101.203.379.374
Phải trả cho nhà cung cấp	44.164.048.437	58.989.141.412
Phải trả hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh số 30)	35.590.986.561	30.277.883.746
Các khoản phải trả khác	11.503.841.387	11.936.354.216
	3.001.147.340.226	2.986.652.434.592

(*) Bao gồm khoản phải trả do người mua bảo hiểm thanh toán để mua các đơn vị quỹ của các quỹ liên kết đơn vị nhưng chưa được thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính. Đây là một phần của dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết đơn vị.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.530.998.365.049	685.166.607.963	(910.867.295.723)	1.305.297.677.289
Thuế thu nhập cá nhân của đại lý	4.456.002.590	36.575.807.956	(36.698.824.314)	4.332.986.232
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	23.689.853.299	272.852.419.611	(275.810.905.039)	20.731.367.871
Thuế nhà thầu	16.510.230.615	51.184.083.433	(51.694.110.548)	16.000.203.500
Thuế giá trị gia tăng	42.743.228	4.802.979.487	(648.788.945)	4.196.933.770
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	381.241.319.481	-	381.241.319.481
	1.575.697.194.781	1.431.823.217.931	(1.275.719.924.569)	1.731.800.488.143

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả về công nghệ thông tin	952.379.715.609	889.605.417.792
Chi phí phải trả hoạt động đại lý và hỗ trợ bán hàng	590.474.625.886	676.762.616.887
Chi phí phải trả lương	323.634.531.460	317.558.770.409
Chi phí phải trả hoạt động kinh doanh và tái bảo hiểm	130.678.731.560	391.889.069.707
Chi phí phải trả quảng cáo, khuyến mãi	87.577.062.807	165.297.701.371
Chi phí phải trả về vận hành văn phòng	56.013.368.723	53.048.472.419
Hoa hồng phải trả	39.891.206.590	62.053.485.570
Chi phí phải trả liên quan thuê văn phòng	38.950.978.169	21.865.877.329
Chi phí phải trả về dịch vụ ngân hàng, dịch vụ lưu ký	16.407.465.747	4.364.975.785
Chi phí phải trả về công tác	5.425.038.119	11.407.158.886
Chi phí phải trả khác	170.419.739	85.337.316
	<u>2.241.603.144.409</u>	<u>2.593.938.883.471</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC, PHÍ BẢO HIỂM TẠM THU VÀ DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

16.1 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	2.394.388.628.932	2.389.792.103.827
Thưởng nhân viên điều hành	63.421.867.269	68.927.147.561
Phải trả đại lý	11.007.165.101	14.343.721.980
Các khoản phải trả khác	113.692.784.885	136.335.089.985
	<u>2.582.510.446.187</u>	<u>2.609.398.063.353</u>

16.2 Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí bảo hiểm thu trước	78.823.429.705	80.281.635.645
Phí bảo hiểm tạm thu	11.728.849.880	12.749.331.000
	<u>90.552.279.585</u>	<u>93.030.966.645</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Số đầu năm VND	Thay đổi dự phòng trong năm VND	Số cuối năm VND
Dự phòng toán học (i)	89.305.117.471.726	8.966.334.703.707	98.271.452.175.433
Dự phòng phí chưa được hưởng	283.352.645.789	236.448.560.605	519.801.206.394
Dự phòng bồi thường (ii)	421.824.122.905	217.573.312.815	639.397.435.720
Dự phòng chia lãi	2.691.354.818.549	(287.522.028.936)	2.403.832.789.613
Dự phòng đảm bảo cân đối	146.392.306.696	32.779.950.409	179.172.257.105
Dự phòng đảm bảo khả năng thanh toán bổ sung	44.115.344.407	6.259.537.753	50.374.882.160
	92.892.156.710.072	9.171.874.036.353	102.064.030.746.425

(i) Thay đổi trong dự phòng toán học như sau:

	Số đầu năm VND	Thay đổi dự phòng trong năm VND	Số cuối năm VND
Dự phòng cơ bản	85.401.276.162.230	7.308.471.229.614	92.709.747.391.844
Bảo hiểm liên kết chung	26.116.080.140.876	5.768.894.321.673	31.884.974.462.549
Bảo hiểm hưu trí	163.023.518.340	25.470.045.980	188.493.564.320
Hợp đồng bảo hiểm không tham gia chia lãi	4.483.812.725.519	514.633.261.199	4.998.445.986.718
Hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi trước 01/01/2006	475.386.088.101	(197.411.024.527)	277.975.063.574
Hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi sau 01/01/2006	54.162.973.689.394	1.196.884.625.289	55.359.858.314.683
Dự phòng duy trì hợp đồng	624.792.485.700	(12.536.502.674)	612.255.983.026
Chủ sở hữu	41.970.071.819	(9.218.702.242)	32.751.369.577
Bảo hiểm liên kết chung	582.822.413.881	(3.317.800.432)	579.504.613.449
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	3.279.048.823.796	1.670.399.976.767	4.949.448.800.563
Bảo hiểm liên kết đơn vị	225.631.556.840	53.170.997.267	278.802.554.107
Bảo hiểm liên kết chung	2.947.971.866.956	1.599.468.679.500	4.547.440.546.456
Bảo hiểm hưu trí	105.445.400.000	17.760.300.000	123.205.700.000
	89.305.117.471.726	8.966.334.703.707	98.271.452.175.433

(ii) Dự phòng bồi thường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận và dự phòng cho các tổn thất đã yêu cầu nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm với số dư lần lượt là 181.830.978.507 VND và 457.566.457.213 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: lần lượt là 193.369.468.134 VND và 228.454.654.771 VND).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bất buộc (Trình bày lại) VND	Lãi/(lỗ) lũy kế (Trình bày lại) VND	Tổng cộng (Trình bày lại) VND
Năm trước (Trình bày lại)				
Số đầu năm	22.220.000.000.000	410.165.096.925	(2.554.262.609.079)	20.075.902.487.846
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.437.079.160.780	3.437.079.160.780
Trích quỹ dự trữ bất buộc	-	171.853.958.039	(171.853.958.039)	-
Số cuối năm	22.220.000.000.000	582.019.054.964	710.962.593.662	23.512.981.648.626
Năm nay				
Số đầu năm	22.220.000.000.000	582.019.054.964	710.962.593.662	23.512.981.648.626
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	2.816.678.479.656	2.816.678.479.656
Trích quỹ dự trữ bất buộc	-	140.833.923.983	(140.833.923.983)	-
Số cuối năm	22.220.000.000.000	722.852.978.947	3.386.807.149.335	26.329.660.128.282

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
	Số tiền vốn điều lệ VND	Vốn điều lệ đã góp VND
Công ty Manulife Financial Asia Limited (MFAL)	22.220.000.000.000	22.220.000.000.000
	100%	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bảo hiểm liên kết đầu tư	8.662.798.750.580	9.469.414.109.330
Bảo hiểm hỗn hợp	4.665.815.415.230	5.142.132.500.650
Sản phẩm phụ	2.783.019.845.240	2.643.171.031.360
Bảo hiểm tử kỳ	208.532.769.740	505.353.313.640
Bảo hiểm hưu trí	22.858.591.930	19.620.237.980
Bảo hiểm sức khỏe	69.937.619.000	41.256.208.000
Phí bảo hiểm gốc	16.412.962.991.720	17.820.947.400.960
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng	(236.448.560.605)	(10.092.600.767)
	16.176.514.431.115	17.810.854.800.193

20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Bảo hiểm liên kết đầu tư	477.647.415.851	676.977.117.415
Bảo hiểm hỗn hợp	37.222.296.405	37.648.244.043
Bảo hiểm tử kỳ	3.585.488.742	358.635.935
Bảo hiểm sức khỏe	22.595.336.768	7.630.073.899
	541.050.537.766	722.614.071.292

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	9.060.309.247.137	7.883.630.608.486
<i>Bảo hiểm liên kết đầu tư</i>	4.328.927.865.192	3.497.366.372.151
<i>Bảo hiểm hỗn hợp</i>	3.425.925.693.610	3.037.279.968.170
<i>Sản phẩm phụ</i>	1.263.716.983.590	1.286.619.005.530
<i>Bảo hiểm tử kỳ</i>	16.628.256.000	7.838.983.000
<i>Bảo hiểm hưu trí</i>	10.852.270.415	31.788.566.985
<i>Bảo hiểm sức khỏe</i>	14.258.178.330	22.737.712.650
Các khoản thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(449.965.982.902)	(369.068.240.824)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	9.194.438.322.428	10.663.836.064.877
<i>Tăng dự phòng toán học</i>	8.966.334.703.707	10.754.379.425.218
<i>Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường</i>	217.573.312.815	(20.386.456.952)
<i>Giảm dự phòng chia lãi</i>	(28.509.182.256)	(117.395.597.810)
<i>Tăng dự phòng đảm bảo cân đối</i>	32.779.950.409	40.643.280.590
<i>Tăng dự phòng đảm bảo khả năng thanh toán bổ sung</i>	6.259.537.753	6.595.413.831
	17.804.781.586.663	18.178.398.432.539

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi hoa hồng bảo hiểm	704.850.423.774	985.299.671.622
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	78.870.455.805	49.937.959.100
	783.720.879.579	1.035.237.630.722

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi từ đầu tư trái phiếu	3.390.271.868.179	3.179.782.792.542
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	1.563.862.737.297	1.033.663.437.174
Lãi từ bán cổ phiếu	1.225.571.964.600	1.726.204.380.144
Doanh thu phí quản lý	784.482.908.791	670.170.827.932
Cổ tức và lợi nhuận được chia	457.558.891.750	738.250.396.120
Lãi từ tạm ứng giá trị hoàn lại	171.756.635.000	141.782.334.000
Phân bổ chiết khấu trái phiếu	29.245.396.963	27.703.885.647
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.187.373.216	28.939.619.798
Lãi từ mua bán trái phiếu	-	3.419.224.587
	7.651.937.775.796	7.549.916.897.944

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý đầu tư	871.345.839.409	811.886.685.447
Lỗ từ bán cổ phiếu	714.177.125.482	692.541.906.070
Phân bổ phụ trội trái phiếu	202.183.397.468	187.671.998.388
Phí đầu tư	59.936.714.479	53.546.740.717
Lỗ từ mua bán trái phiếu	7.432.673.163	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(115.400.395.995)	(305.209.846.659)
Chi phí khác từ hoạt động tài chính	132.748.710	98.978.807
	1.739.808.102.716	1.440.536.462.770

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí thi đua, hội nghị	400.111.745.430	341.090.994.729
Chi phí khen thưởng, hỗ trợ đại lý	357.874.206.346	312.628.371.854
Chi phí hỗ trợ kênh phân phối	61.327.377.921	376.310.953.366
Chi phí khuyến mãi và tiếp thị	41.984.911.684	121.019.410.678
Chi phí dịch vụ khác	382.436.309.019	544.557.199.744
Chi phí khác	16.623.212.317	29.723.383.608
	1.260.357.762.717	1.725.330.313.979

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí lương và bảo hiểm bắt buộc (bao gồm nhân viên chính thức và đội ngũ thuê ngoài)	849.844.359.571	928.125.227.321
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	398.504.613.008	519.307.886.618
Chi phí phúc lợi khác cho nhân viên	342.391.643.133	386.760.607.086
Chi phí thuê văn phòng	255.606.596.306	280.505.004.462
Chi phí vận hành văn phòng	163.542.653.012	190.496.629.575
Chi phí hệ thống công nghệ thông tin	148.063.613.219	333.391.942.990
Chi phí ngân hàng	126.469.609.208	151.232.794.766
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	57.253.974.181	49.055.009.641
Chi phí thông tin liên lạc	26.888.871.644	49.280.750.096
Chi phí công tác	24.752.069.738	27.845.219.254
Chi phí quảng cáo và đào tạo	16.698.720.435	22.989.274.367
Chi phí khác	13.836.877.840	17.405.179.937
	2.423.853.601.295	2.956.395.526.113

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	4.717.884.741.388	4.941.301.299.129
<i>Lãi phân bổ và thu nhập khác trích từ giá trị tài khoản chủ hợp đồng</i>	4.708.319.757.800	4.004.384.379.340
<i>Thu từ cho thuê văn phòng và dịch vụ</i>	4.673.580.180	4.488.018.792
<i>Thu từ đại lý</i>	2.070.321.365	1.137.620.736
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định và công cụ</i>	356.460.372	2.914.906.011
<i>Thu khác</i>	2.464.621.671	928.376.374.250
Chi phí khác	(449.816.426.632)	(5.770.428.937)
<i>Phí, lệ phí và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác</i>	(385.420.823.144)	-
<i>Chi phí thanh lý tài sản cố định và công cụ</i>	(657.141.896)	(5.770.428.937)
<i>Chi phí khác (*)</i>	(63.738.461.592)	-
	4.268.068.314.756	4.935.530.870.192

(*) Chi phí khác liên quan đến việc xóa sổ giá trị còn lại của khoản chi phí ban đầu cho hợp đồng hợp tác kinh doanh qua kênh ngân hàng (Bancassurance) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong năm 2025 (2024: 20%).

Công ty đã được cơ quan thuế quyết toán đến hết năm 2007 và năm 2023, 2024.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	685.166.607.963	807.790.000.062
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	43.370.002.838	(35.679.397.425)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	28.606.974.227
Tổng cộng	728.536.610.801	800.717.576.864

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.545.215.090.457	4.237.796.737.644
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2024: 20%)	709.043.018.091	847.559.347.529
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	28.606.974.227
Chi phí không được khấu trừ thuế	111.005.371.059	72.201.334.332
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(91.511.778.349)	(147.650.079.224)
Chi phí thuế TNDN	728.536.610.801	800.717.576.864

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	419.102.774.784	485.209.220.175	(66.106.445.391)	(2.304.919.696)
Chi phí thường nhân viên điều hành	12.684.373.454	13.785.429.512	(1.101.056.058)	4.302.241.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(24.602.195.768)	(7.086.925.139)	(17.515.270.629)	(2.356.142.694)
Dự phòng đầu tư	1.296.273.571	1.010.972.711	285.300.860	(154.718.646)
Bảo tức chia cho chủ hợp đồng tham gia chia lãi	739.829.877.780	698.762.409.400	41.067.468.380	36.192.936.800
	1.148.311.103.821	1.191.681.106.659	(43.370.002.838)	35.679.397.425
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	1.148.311.103.821	1.191.681.106.659		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			(43.370.002.838)	35.679.397.425

29.4 Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do ảnh hưởng của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định 236/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định tại Nghị quyết 107 do đáp ứng điều kiện áp dụng cơ chế miễn trừ trách nhiệm theo Quy tắc An toàn dựa trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong giai đoạn chuyển tiếp tại Việt Nam. Vì vậy, số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung phải nộp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam được xác định bằng không.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Theo Kết luận thanh tra số 13491/BTC-QLBH ngày 8 tháng 11 năm 2019 do Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm (ISA) ban hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số khoản chi phí liên quan đến hoạt động đại lý được xác định là chi phí không được khấu trừ cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh việc xử lý thuế (nếu có) đối với những khoản chi phí quản lý đại lý phát sinh tương tự trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022 khi cơ quan thuế đưa ra hướng dẫn cụ thể áp dụng cho toàn ngành bảo hiểm.

Trong năm 2025, cơ quan thuế đã tiến hành các cuộc kiểm tra đối với một số các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường, bao gồm cả Manulife, cho các năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo kết luận kiểm tra được đề cập tại Thuyết minh số 36 – Dữ liệu tương ứng, cơ quan thuế sẽ báo cáo, xin ý kiến hướng dẫn thêm từ cơ quan có thẩm quyền liên quan về tính phù hợp với quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về kinh doanh bảo hiểm đối với chi phí quản lý đại lý bảo hiểm. Tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm Manulife thông qua Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (AVI), đã gửi công văn đến ISA và Cơ quan Thuế để mô tả mô hình hoạt động quản lý đại lý và đề nghị xem xét công nhận các khoản chi phí này là chi phí hợp lệ được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tính đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền; do đó, kết quả của vấn đề này hiện vẫn chưa chắc chắn. Vì vậy, ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng, nếu có, hiện chưa thể được xác định một cách chắc chắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nghệp vụ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>(Trình bày lại)</u> <u>VND</u>
Công ty Manulife Financial Asia Limited (MFAL)	Công ty mẹ	Phí dịch vụ và thanh toán hộ các chi phí cho Công ty	669.260.021.161	737.201.441.222
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("MIMV")	Công ty con	Phí quản lý danh mục đầu tư Lợi nhuận được chia	399.109.253.017 300.000.000.000	366.108.178.634 500.000.000.000
Công ty Manulife (International) Limited (MIL)	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Phí nhượng tái bảo hiểm Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm Phí quản lý	183.209.914.084 (124.448.360.812) 7.708.291.117	390.929.034.914 (94.581.385.709) 12.696.531.502
Manulife IT Delivery Center Asia (MITDC)	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	8.142.234.710	12.716.497.695
Manulife IT Delivery Center Asia (Chengdu)	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	4.435.836.344	4.374.682.824

Các khoản phải thu/(phải trả) trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nghệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(Trình bày lại)</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("MIMV")	Công ty con	Phí quản lý và các chi phí khác Lợi nhuận được chia	(35.590.986.561)	(30.277.883.746) 500.000.000.000
Công ty Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ	Phí dịch vụ và thanh toán hộ các chi phí cho Công ty	(2.391.093.598.231)	(2.388.786.370.788)
Công ty Manulife (International) Limited	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Phí nhượng tái bảo hiểm	(66.469.847.465)	(67.326.285.278)
Manulife IT Delivery Center Asia (MITDC)	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	(1.889.266.408)	(569.309.028)
Manulife IT Delivery Center Asia (Chengdu)	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	(1.405.764.293)	(436.424.011)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tiền lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Ban Giám đốc:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Tiền lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Ban Giám đốc	<u>170.152.036.580</u>	<u>137.164.707.091</u>

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trang thiết bị văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Dưới 1 năm	118.292.746.418	177.760.071.857
Từ 1 - 5 năm	172.457.933.290	213.857.544.728
Tên 5 năm	-	8.516.875.221
	<u>290.750.679.708</u>	<u>400.134.491.806</u>

32. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

32.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ chủ hợp đồng của Công ty từ các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Điều này được thực hiện thông qua một khung quản lý rủi ro doanh nghiệp toàn diện (ERM), đảm bảo rằng việc chấp nhận rủi ro được cân bằng với các biện pháp bảo vệ. Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Thành viên. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Thành viên đến Ban Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

Công ty vận hành theo mô hình quản trị "Ba tuyến phòng vệ", trong đó các đơn vị kinh doanh và bộ phận chức năng chịu trách nhiệm và thực hiện quản lý rủi ro; các chức năng giám sát độc lập phụ trách giám sát khách quan; và kiểm toán nội bộ thực hiện dịch vụ đảm bảo độc lập. Công tác giám sát các vấn đề rủi ro được hỗ trợ bởi Ủy ban Quản lý Rủi ro Việt Nam (VN Risk Committee) cùng với các hội đồng chuyên trách như Hội đồng ALCO, Hội đồng Rủi ro Công nghệ Thông tin, Hội đồng Quản lý Rủi ro Kênh phân phối (Kênh Đại lý và Kênh Đối tác).

Hoạt động chấp nhận rủi ro được định hướng bởi các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro định tính và định lượng cùng các hạn mức liên quan. Mức độ rủi ro được theo dõi, và cơ chế báo cáo/xử lý sẽ được kích hoạt khi rủi ro chuyển từ trong phạm vi khẩu vị sang trạng thái cảnh giác hoặc trạng thái gia tăng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

32. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

32.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến sinh mạng, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch đang vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Công ty sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích xác suất.

Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Rủi ro chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và các con số thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể diễn ra trong thời gian một năm bất kỳ có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông dụng.

Việc nhận diện, đánh giá, giám sát và báo cáo rủi ro được thực hiện bởi Bộ phận Quản lý Kinh doanh với sự giám sát độc lập nhằm bảo đảm tính hiệu quả của các quy trình liên quan đến rủi ro.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

32. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

32.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam và yêu cầu Công ty phải giữ nguồn vốn đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về biên khả năng thanh toán chủ yếu áp dụng đối với Công ty là những yêu cầu được quy định tại Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, bao gồm Nghị định 46 và Thông tư 70/2022/TT-BTC. Các quy định này yêu cầu Công ty phải tuân thủ biên khả năng thanh toán tối thiểu và thực hiện kiểm tra mức vốn và khả năng chịu đựng rủi ro định kỳ hằng năm.

Bảng sau tóm tắt lại biên thanh khoản pháp định đối với Công ty và lượng vốn cần thiết. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Công ty (triệu VND)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	20.475.576	7.803.412	262%
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Trình bày lại)	17.319.733	7.382.693	235%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

32. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

32.4 *Quản lý tài sản nợ và có*

Quản lý tài sản nợ và có là yếu tố quan trọng trong quản trị rủi ro doanh nghiệp. Trong đó, quản trị rủi ro doanh nghiệp xem xét tất cả nguồn gốc rủi ro đối với một công ty bảo hiểm, quản lý tài sản nợ và có là tiến hành quản lý một doanh nghiệp để điều phối các quyết định và hành động đối với tài sản nợ và có. Quản lý tài sản nợ và có có thể được định nghĩa như sau:

“Quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát và rà soát chiến lược liên quan đến tài sản nợ và có để đạt được mục tiêu tài chính của Công ty, nằm trong khả năng chấp nhận rủi ro và các ràng buộc. Điều này bao gồm việc quản lý các rủi ro phát sinh do sự không khớp giữa tài sản và nghĩa vụ, đảm bảo rằng Công ty có thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình trong khi tối ưu hóa hiệu suất tài chính trong các tham số rủi ro đã được xác định”.

Quản lý tài sản nợ và có liên quan trọng yếu đến khả năng quản lý tài chính thích hợp của Công ty để đáp ứng nhu cầu trong tương lai về dòng tiền và các yêu cầu về vốn.

Công ty phân tích dòng tiền và đối chiếu thời gian đáo hạn của các tài sản nợ và có. Các phân tích dòng tiền nhằm cung cấp thông tin về trạng thái tiền mặt của Công ty trong tương lai.

Thời hạn của tài sản nợ được tính toán bằng bình quân thời gian của dòng tiền trong tương lai mà không tính đến lợi nhuận đầu tư.

Hiện nay, Công ty đã thành lập Ủy ban quản lý tài sản (“ALCO”). Tập đoàn Tài chính Manulife có cấu trúc quản lý trên toàn cầu với trách nhiệm quản lý được phân về mỗi vùng. ALCO Việt Nam thuộc quản lý của Ủy ban quản lý tài sản vùng Châu Á, được điều hành bởi Ban quản lý cấp cao cho tất cả các hoạt động của các công ty thuộc Châu Á và báo cáo lên Ủy ban quản lý tài sản toàn cầu.

Công ty chủ động quản lý tài sản của mình bằng cách sử dụng phương pháp xem xét chiến lược, chất lượng tài sản/tín dụng, đa dạng hóa, phù hợp giữa tài sản nợ và có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư. Mục tiêu của quá trình đầu tư là đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư tương ứng với mức rủi ro được thiết lập. Quy định về chính sách và mục đích đầu tư (SIP&G) được thiết lập để đánh giá và phê duyệt định kỳ danh mục đầu tư theo mục tiêu xác định, thiết lập, hướng dẫn nguyên tắc và các hạn mức đầu tư và giám sát quy trình quản lý tài sản nợ và có.

Công ty thiết lập danh mục tài sản mục tiêu cho từng loại sản phẩm bảo hiểm chính theo yêu cầu quản lý riêng. Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản dựa trên lợi suất, thời gian, độ nhạy cảm, rủi ro thị trường, tính biến động, tính thanh khoản, mức độ tập trung tài sản, tỷ giá và chất lượng tín dụng. Các ước tính và giả thiết được sử dụng trong việc xác định số tiền và thời hạn thanh toán cho chủ hợp đồng bảo hiểm thường xuyên được đánh giá lại. Đa số những ước tính và giả thiết đề ra luôn có yếu tố chủ quan và do đó có thể tác động đến khả năng và mục tiêu quản lý tài sản nợ và có.

32.5 *Chiến lược kinh doanh bảo hiểm*

Chiến lược thẩm định của Công ty cam kết thúc đẩy sự đa dạng để đạt được một danh mục kinh doanh cân bằng và bao trùm. Bằng cách duy trì một danh mục lớn và đa dạng các rủi ro tương tự qua nhiều năm, chúng tôi hướng đến việc giảm thiểu biến động kết quả và nâng cao khả năng quản lý rủi ro một cách hiệu quả.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

32. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

32.6 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty phát hành các hợp đồng để chuyển giao các rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết về các sản phẩm chính của Công ty và cách thức Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

33.1 Rủi ro bảo hiểm

33.1.1 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo và được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi tiền mặt hằng kỳ, quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống có thể tham gia chia lãi hoặc không tham gia chia lãi. Với những sản phẩm tham gia chia lãi cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi phát sinh từ quỹ bảo hiểm tham gia chia lãi. Các quỹ này đưa ra mức lãi chia không đảm bảo hàng năm đảm bảo tuân thủ mức chia lãi tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận cho các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được xác định như sau:

- (i) Phản ánh tình hình tài chính của Công ty,
- (ii) Chia lãi theo tỷ lệ nguồn thu nhập,
- (iii) Xem xét kỳ vọng hợp lý của các chủ hợp đồng bảo hiểm,
- (iv) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu và
- (v) Đảm bảo tuân thủ mức chia lãi tối thiểu theo quy định pháp luật.

Công ty được quyết định mức lãi chia công bố hàng năm cho chủ hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi. Trên thực tế, công ty bảo hiểm nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng hợp lý của chủ hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi khi xác định mức lãi chia. Mục đích của Công ty là duy trì tỷ lệ lãi chia đều đặn dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công ty sẽ cân nhắc mức lãi chia hàng năm để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Những sản phẩm không tham gia chia lãi sẽ không tham gia vào phần lãi chia của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.1 *Rủi ro bảo hiểm* (tiếp theo)

33.1.2 *Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm bảo hiểm liên kết chung*

Các đặc tính sản phẩm - Công ty cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với quyền lợi bảo vệ dài hạn và đầu tư trong quỹ liên kết chung.

Sản phẩm liên kết chung được Manulife lần đầu tiên giới thiệu ra thị trường từ năm 2010 và đã liên tục được cập nhật với các phiên bản mới năm 2012, 2015, 2018, 2019 và 2025.

Ngoài các quyền lợi bảo vệ dài hạn, sản phẩm liên kết chung được áp dụng mức lãi suất cam kết tối thiểu theo năm hợp đồng được quy định chi tiết trong điều khoản hợp đồng của từng sản phẩm.

Đối với tất cả sản phẩm liên kết chung, phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của công ty bảo hiểm nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ hàng tháng từ giá trị tài khoản. Lãi suất cũng được công bố và cộng vào tài khoản hàng tháng.

33.1.3 *Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị*

Các đặc tính của sản phẩm - Công ty cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị trong đó có cả yếu tố bảo hiểm và đầu tư vào các quỹ với nhiều lựa chọn.

Sản phẩm liên kết đơn vị được ra mắt lần đầu tiên tại Manulife vào năm 2008 và đã được cập nhật với các phiên bản mới vào năm 2017, 2021, 2022 và 2025. Với mỗi phiên bản mới được đưa ra thị trường, quyền lợi bảo hiểm dành cho khách hàng được nâng cấp cùng với các quỹ liên kết đơn vị mới tại Manulife giúp nâng tổng số quỹ liên kết đầu từ lên đến 12 quỹ tại thời điểm báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị không được đảm bảo. Người mua bảo hiểm có thể chọn để đầu tư vào các quỹ khác nhau với tỷ suất sinh lời và độ rủi ro khác nhau phù hợp với các mục đích và khẩu vị đầu tư của từng khách hàng.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được phân bổ vào các quỹ theo như tỷ lệ do khách hàng lựa chọn sau khi đã trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ hàng tháng từ giá trị tài khoản. Quyền lợi đầu tư không được thể hiện dưới dạng lãi suất mà do sự tăng/giảm giá đơn vị quỹ.

33.1.4 *Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm bảo hiểm hưu trí*

Các đặc tính sản phẩm - Công ty cung cấp sản phẩm bảo hiểm hưu trí với cả yếu tố bảo vệ và quyền lợi hưu trí từ quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện.

Sản phẩm bảo hiểm hưu trí cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong và thượng tật vĩnh viễn đến tuổi nghỉ hưu, sau đó sẽ được nhận quyền lợi hưu trí định kỳ. Sản phẩm bảo hiểm hưu trí được áp dụng mức lãi suất cam kết tối thiểu theo năm hợp đồng được quy định chi tiết trong điều khoản hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện của Công ty bảo hiểm nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ. Lãi suất cũng được công bố và cộng vào tài khoản hàng tháng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 *Rủi ro tài chính*

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Công ty. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Từng nhóm rủi ro này sẽ được mô tả ở dưới đây, cùng với tóm tắt về những chính sách của Công ty để quản lý những rủi ro này.

33.2.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường được mô tả là rủi ro thay đổi giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do thay đổi lãi suất, biến động giá thị trường chứng khoán và biến động bất lợi của tỷ giá hối đoái. Biến động giá thị trường chủ yếu liên quan đến những thay đổi về giá cổ phiếu được giao dịch công khai và các tài sản dài hạn thay thế.

Rủi ro lãi suất

Mức độ ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến Công ty liên quan đến những thay đổi trong lãi suất được tập trung vào danh mục đầu tư của Công ty. Các công cụ có kỳ hạn cố định chiếm phần lớn trong tổng danh mục đầu tư, được quản lý theo nguyên tắc cân đối với việc thanh toán các nghĩa vụ như đã dự tính. Công ty theo dõi rủi ro này thông qua việc xem xét định kỳ trạng thái tài sản và nghĩa vụ. Những ước tính về dòng tiền, cũng như ảnh hưởng của biến động lãi suất đến danh mục đầu tư và các quỹ dự phòng bảo hiểm, đều được thiết lập mô hình và được xem xét thường xuyên. Mục tiêu tổng thể của chiến lược đầu tư này là để hạn chế sự chênh lệch giữa giá trị của tài sản và công nợ do sự thay đổi về lãi suất.

Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, rủi ro lãi suất có thể được giảm thiểu bằng cách rà soát lãi suất tín dụng phù hợp với kết quả thực tế và dự đoán của danh mục phụ thuộc vào mức cam kết tối thiểu.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có chia lãi, rủi ro lãi suất có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng cấu phần không đảm bảo.

Đối với sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không chia lãi, rủi ro lãi suất có thể được giảm thiểu bằng cách sử dụng phiếu tiền mặt nhằm đảm bảo các sản phẩm này không bị ảnh hưởng liên quan đến rủi ro lãi suất cho khách hàng bởi vì giá trị phiếu tiền mặt sẽ tự động điều chỉnh để phù hợp với thị trường.

Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Ban Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 *Rủi ro tài chính* (tiếp theo)

33.2.2 *Rủi ro tín dụng*

Danh mục đầu tư vào công cụ có kỳ hạn cố định của Công ty (bao gồm cả các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại) là đối tượng của rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khả năng tiềm tàng có thể xảy ra lỗ trên giá thị trường do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi. Mục tiêu của Công ty là đạt được lợi nhuận có tính cạnh tranh tương đối bằng cách đầu tư vào một danh mục đa dạng. Ban Giám đốc của Công ty đã ban hành một chính sách tín dụng, trong đó các mức giới hạn được đặt ra để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung, điều này giúp giảm thiểu tác động của việc đầu tư kém hiệu quả từ một khoản đầu tư đơn lẻ. Chúng tôi không có rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán được mua theo thỏa thuận bán lại vì chúng tôi không tham gia vào bất kỳ thỏa thuận mua lại nào.

Công ty còn có những khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, cho vay và tạm ứng cho khách hàng và những khoản phải thu khác cũng phải chịu rủi ro tín dụng, trong đó đặc biệt là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Số dư của toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

33.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Chưa quá hạn VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị VND	Bị giảm giá trị riêng lẻ VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.032.035.850.709	-	-	1.032.035.850.709
Các khoản đầu tư ngắn hạn - gộp	46.138.472.782.414	-	4.095.268.619.302	50.233.741.401.716
Cổ phiếu	6.115.415.512.541	-	3.483.867.777.885	9.599.283.290.426
Trái phiếu chính phủ	99.998.381.387	-	-	99.998.381.387
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	-	-	611.396.418.793	611.396.418.793
Tiền gửi ngân hàng	36.233.844.479.264	-	-	36.233.844.479.264
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	3.516.214.406.900	-	-	3.516.214.406.900
Chứng chỉ quỹ	173.000.002.322	-	-	173.000.002.322
Đầu tư khác	-	-	4.422.624	4.422.624
Phải thu khách hàng - gộp	977.891.970.470	-	-	977.891.970.470
Các khoản phải thu ngắn hạn khác - gộp	2.408.453.533.759	2.961.118.920	54.220.313.056	2.465.634.965.735
Các khoản đầu tư dài hạn khác - gộp	67.414.179.666.685	-	10.947.700.000.000	78.361.879.666.685
Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và Trái phiếu chính quyền địa phương	65.304.936.149.182	-	-	65.304.936.149.182
Tiền gửi dài hạn	2.109.243.517.503	-	-	2.109.243.517.503
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	-	-	10.947.700.000.000	10.947.700.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	32.171.369.001	-	-	32.171.369.001
Ký quỹ dài hạn	17.579.670.865	-	-	17.579.670.865
Phải thu dài hạn khác	75.896.714.684	-	-	75.896.714.684
	118.096.681.558.587	2.961.118.920	15.097.188.932.358	133.196.831.609.865

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

33.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Chưa quá hạn VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị VND	Bị giảm giá trị riêng lẻ VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.391.586.274.187	-	-	5.391.586.274.187
Các khoản đầu tư ngắn hạn - gộp	31.066.349.072.740	-	7.548.516.756.055	38.614.865.828.795
Cổ phiếu	4.553.655.079.674	-	5.424.512.333.431	9.978.167.413.105
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	-	-	2.124.000.000.000	2.124.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng	23.535.123.146.124	-	-	23.535.123.146.124
Tạm ứng từ giá trị hoán lại	2.804.570.844.620	-	-	2.804.570.844.620
Chứng chỉ quỹ	173.000.002.322	-	-	173.000.002.322
Đầu tư khác	-	-	4.422.624	4.422.624
Phải thu khách hàng - gộp	1.382.001.084.000	-	-	1.382.001.084.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác - gộp	2.595.309.986.512	6.859.301.190	55.258.415.488	2.657.427.703.190
Các khoản đầu tư dài hạn khác - gộp	62.854.336.940.273	-	10.493.163.357.576	73.347.500.297.849
Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và Trái phiếu chính quyền địa phương	61.343.980.103.937	-	-	61.343.980.103.937
Tiền gửi dài hạn	1.299.593.736.336	-	-	1.299.593.736.336
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	210.763.100.000	-	10.493.163.357.576	10.703.926.457.576
Ký quỹ bảo hiểm	31.219.327.724	-	-	31.219.327.724
Ký quỹ dài hạn	25.318.986.289	-	-	25.318.986.289
Phải thu dài hạn khác	14.961.369.862	-	-	14.961.369.862
	103.361.083.041.587	6.859.301.190	18.096.938.529.119	121.464.880.871.896

Chưa quá hạn: Không có bằng chứng về quá hạn hoặc suy giảm giá trị đối với những tài sản tài chính này.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: Những tài sản tài chính quá hạn này không bị giảm giá trị do có đủ tài sản đảm bảo và mức độ tín cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: Công ty cho rằng không có khả năng thu hồi đầy đủ lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 *Rủi ro tài chính* (tiếp theo)

33.2.2 *Rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

(*) Số dư dự phòng giảm giá trái phiếu doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 6.477.246.430 VND và 5.050.742.133 VND được tính dựa trên giá bình quân các báo giá của hai công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

33.2.3 *Rủi ro thanh khoản*

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Công ty và việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với những hợp đồng được phép chấm dứt trước thời hạn. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý hoặc không có đủ vốn hoặc tài sản lưu động để đáp ứng các nhu cầu tiền mặt và tài sản thế chấp bất ngờ. Công ty quản lý rủi ro này bằng việc duy trì thanh khoản hoạt động, giám sát và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này và duy trì mức thanh khoản đủ cho các yêu cầu tiền mặt đột xuất. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này và đưa ra các khoản phạt vì chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và các điều khoản điều chỉnh thị trường để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền mặt ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính phái sinh và không phái sinh (trên cơ sở không chiết khấu) và đánh giá thời hạn dòng tiền phải trả theo hợp đồng bảo hiểm (trên cơ sở chiết khấu) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng như được trình bày dưới đây.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

33.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn VND	Dưới 1 năm VND	1-3 năm VND	3-5 năm VND	5-15 năm VND	Trên 15 năm VND	Không kỳ hạn VND	Tổng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025								
Tài sản tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.032.035.850.709	-	-	-	-	-	1.032.035.850.709
Các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	-	36.945.239.279.444	-	-	-	13.288.502.122.272	-	50.233.741.401.716
Cổ phiếu	-	-	-	-	-	9.599.283.290.426	-	9.599.283.290.426
Trái phiếu chính phủ	-	99.998.381.387	-	-	-	-	-	99.998.381.387
Trái phiếu Doanh nghiệp	-	611.396.418.793	-	-	-	-	-	611.396.418.793
Tiền gửi ngân hàng	-	36.233.844.479.264	-	-	-	3.516.214.406.900	-	36.233.844.479.264
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	-	-	-	-	-	173.000.002.322	-	173.000.002.322
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	4.422.624	-	4.422.624
Đầu tư khác	-	977.891.970.470	-	-	-	-	-	977.891.970.470
Phải thu khách hàng (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (*)	57.181.431.976	2.337.672.389.123	281.144.636	-	-	21.008.243.434.405	70.500.000.000	2.465.634.965.735
Các khoản đầu tư dài hạn khác (*)	-	5.444.733.086.547	-	12.348.622.929.295	39.560.280.216.438	-	-	78.361.879.666.685
Trái phiếu Chính phủ, lãnh và Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-	5.852.922.929.295	37.618.280.216.438	21.008.243.434.405	-	65.304.936.149.182
Tiền gửi dài hạn	-	-	825.489.569.044	-	-	-	-	2.109.243.517.503
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	2.109.243.517.503	-	-	-	-	10.947.700.000.000
Kỳ quỹ bảo hiểm	-	-	2.510.000.000.000	6.495.700.000.000	1.942.000.000.000	-	-	32.171.369.001
Kỳ quỹ dài hạn	-	-	-	-	-	-	32.171.369.001	17.579.670.865
Phải thu dài hạn khác	-	-	75.896.714.684	-	-	-	-	75.896.714.684
	57.181.431.976	41.292.839.489.746	5.520.910.945.867	12.348.622.929.295	39.560.280.216.438	21.008.243.434.405	13.408.753.162.138	133.196.831.609.865
Nợ tài chính phải trả								
Nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	-	3.838.525.119.725	-	-	-	-	-	102.064.030.746.425
Phải trả người bán	-	3.001.147.340.226	1.045.075.141.032	2.113.846.276.555	5.412.543.096.374	89.474.868.855.634	179.172.257.105	3.001.147.340.226
Chi phí phải trả	-	2.120.353.475.085	-	-	-	-	-	2.120.353.475.085
Các khoản phải trả khác	-	2.519.088.578.918	-	-	-	-	-	2.519.088.578.918
	-	11.479.114.513.954	1.045.075.141.032	2.113.846.276.555	5.412.543.096.374	89.474.868.855.634	179.172.257.105	109.704.620.140.654
Chênh lệch thanh khoản ròng	57.181.431.976	29.813.724.975.792	4.475.835.804.835	10.234.776.652.740	34.147.737.120.064	(68.466.625.421.229)	13.229.580.905.033	23.492.211.469.211

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

33.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn VND	Dưới 1 năm VND	1-3 năm VND	3-5 năm VND	5-15 năm VND	Trên 15 năm VND	Không kỳ hạn VND	Tổng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024								
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	5.391.586.274.187	-	-	-	-	-	5.391.586.274.187
Các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	-	23.535.123.146.124	2.124.000.000.000	-	-	-	12.955.742.682.671	38.614.865.828.795
Cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	9.978.167.413.105	9.978.167.413.105
Trái phiếu Doanh nghiệp	-	-	2.124.000.000.000	-	-	-	-	2.124.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng	-	23.535.123.146.124	-	-	-	-	-	23.535.123.146.124
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	-	-	-	-	-	-	2.804.570.844.620	2.804.570.844.620
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	173.000.002.322	173.000.002.322
Đầu tư khác	-	-	-	-	-	-	4.422.624	4.422.624
Phải thu khách hàng (*)	-	1.382.001.084.000	-	-	-	-	-	1.382.001.084.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	62.117.716.678	2.521.678.571.872	3.131.414.640	-	-	-	-	2.657.427.703.190
(*)	-	-	2.198.657.647.777	4.155.248.175.651	40.590.757.319.608	26.402.837.154.813	-	73.347.500.297.849
Các khoản đầu tư dài hạn khác (*)	-	-	-	-	-	-	70.500.000.000	-
Trái phiếu Chính phủ,	-	-	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và	-	-	899.063.911.441	2.243.021.718.075	35.025.057.319.608	23.176.837.154.813	-	61.343.980.103.937
Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	1.299.593.736.336	-	-	-	-	1.299.593.736.336
Tiền gửi dài hạn	-	-	-	1.912.226.457.576	5.565.700.000.000	3.226.000.000.000	-	10.703.926.457.576
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	31.219.327.724	31.219.327.724
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	-	-	-	25.318.986.289	25.318.986.289
Ký quỹ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	14.961.369.862
Phải thu dài hạn khác	-	-	14.961.369.862	-	-	-	-	14.961.369.862
Tổng	62.117.716.678	32.830.389.076.183	4.340.750.432.279	4.155.248.175.651	40.590.757.319.608	26.402.837.154.813	13.082.780.996.684	121.464.880.871.896
Nợ tài chính phải trả								
Nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	-	12.922.649.291.597	14.660.965.657.334	16.141.740.957.553	16.847.173.616.844	32.173.234.880.050	146.392.306.694	92.892.156.710.072
Phải trả người bán	-	3.094.410.590.770	-	-	-	-	-	3.094.410.590.770
Chi phí phải trả	-	2.445.873.920.282	-	-	-	-	-	2.445.873.920.282
Các khoản phải trả khác	-	2.819.614.847.964	-	-	-	-	-	2.819.614.847.964
Tổng	-	21.282.548.650.613	14.660.965.657.334	16.141.740.957.553	16.847.173.616.844	32.173.234.880.050	146.392.306.694	101.252.056.069.088
Chênh lệch thanh khoản ròng	62.117.716.678	11.547.840.425.570	(10.320.215.225.055)	(11.986.492.781.902)	23.743.583.702.764	(5.770.397.725.237)	12.936.388.689.990	20.212.824.802.808

(*) Số dư của các khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Nguyên giá VND	Dự phòng VND	Nguyên giá VND	Dự phòng VND		
				Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán						
Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và Trái phiếu chính quyền địa phương	65.404.934.530.569	-	61.343.980.103.937	-	65.404.934.530.569	61.343.980.103.937
Có phiếu	9.599.283.290.426	(127.244.415.270)	9.978.167.413.105	(244.071.315.562)	13.760.678.332.850	11.560.572.518.250
Chứng chỉ quỹ	173.000.002.322	-	173.000.002.322	-	280.094.012.853	248.688.190.628
Đầu tư khác	4.422.624	(4.121.424)	4.422.624	(4.121.424)	301.200	301.200
Cho vay và phải thu	977.891.970.470	-	1.382.001.084.000	-	977.891.970.470	1.382.001.084.000
Phải thu khách hàng	3.516.214.406.900	-	2.804.570.844.620	(114.682.800)	3.516.214.406.900	2.804.456.161.820
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại						
Cho Quỹ đầu tư liên kết đơn vị vay						
Phải thu khác từ đại lý	70.500.000.000	-	70.500.000.000	-	70.500.000.000	70.500.000.000
Tiền gửi ngắn hạn	95.087.392.384	(42.518.304.597)	124.704.294.422	(41.215.341.045)	52.569.087.787	83.488.953.377
Tiền gửi dài hạn	36.233.844.479.264	-	23.535.123.146.124	-	36.233.844.479.264	23.535.123.146.124
Trái phiếu doanh nghiệp	2.109.243.517.503	-	1.299.593.736.336	-	2.109.243.517.503	1.299.593.736.336
Kỳ quỹ dài hạn	11.559.096.418.793	(6.477.246.430)	12.827.926.457.576	(5.050.742.133)	12.593.682.398.308	13.899.706.545.965
Kỳ quỹ bảo hiểm	17.579.670.865	-	25.318.986.289	-	17.579.670.865	25.318.986.289
Các khoản phải thu khác	32.171.369.001	-	31.219.327.724	-	32.171.369.001	31.219.327.724
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.375.944.288.035	(215.000.100)	2.477.184.778.630	-	2.375.729.287.935	2.477.184.778.630
	1.032.035.850.709	-	5.391.586.274.187	-	1.032.035.850.709	5.391.586.274.187
	133.196.831.609.865	(176.459.087.821)	121.464.880.871.896	(290.456.202.964)	138.457.169.216.214	124.153.420.108.467

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ phải trả tài chính theo giá trị phân bổ				
Nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	102.064.030.746.425	92.892.156.710.072	102.064.030.746.425	92.892.156.710.072
Phải trả người bán	3.001.147.340.226	3.094.410.590.770	3.001.147.340.226	3.094.410.590.770
Chi phí phải trả	2.120.353.475.085	2.445.873.920.282	2.120.353.475.085	2.445.873.920.282
Các khoản phải trả khác	2.519.088.578.918	2.819.614.847.964	2.519.088.578.918	2.819.614.847.964
	109.704.620.140.654	101.252.056.069.088	109.704.620.140.654	101.252.056.069.088

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, kỳ quỹ dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.
- ▶ Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

35. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	65,03	65,28
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	34,97	34,72
2.	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	%	83,14	82,93
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	%	16,86	17,07
3.	Khả năng thanh toán			
	Tiền và tương đương tiền /Nợ ngắn hạn	Lần	0,11	0,54
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	5,58	4,77
4.	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	2,27	3,08
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	%	18,01	20,11
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,70	14,62

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Dựa theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 7 tháng 1 năm 2026 của Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng để điều chỉnh lại số dư liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 đến năm 2022, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 và năm 2024, và chi phí tái bảo hiểm năm 2024.

Chi tiết phần trình bày lại dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày dưới đây:

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng:

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	89.220.961.713.421	698.762.409.400	89.919.724.122.821
260	IV. Tài sản dài hạn khác	4.271.456.087.862	698.762.409.400	4.970.218.497.262
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	492.918.697.259	698.762.409.400	1.191.681.106.659
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	137.049.087.574.133	698.762.409.400	137.747.849.983.533

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	113.558.336.718.945	676.531.615.962	114.234.868.334.907
310	I. Nợ ngắn hạn	9.356.579.438.862	676.531.615.962	10.033.111.054.824
312	1. Phải trả người bán	3.094.410.590.770	(107.758.156.178)	2.986.652.434.592
312.1	1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	2.942.873.764.711	(57.424.709.493)	2.885.449.055.218
312.2	1.2 Phải trả khác cho người bán	151.536.826.059	(50.333.446.685)	101.203.379.374
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	511.456.354.517	1.064.240.840.264	1.575.697.194.781
315	3. Phải trả người lao động	175.200.647.934	(807.135.952)	174.393.511.982
319	5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.888.541.995.525	(279.143.932.172)	2.609.398.063.353
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	23.490.750.855.188	22.230.793.438	23.512.981.648.626
410	I. Nguồn vốn	23.490.750.855.188	22.230.793.438	23.512.981.648.626
419	2. Quỹ dự trữ bắt buộc	580.907.515.292	1.111.539.672	582.019.054.964
421	3. Lãi lũy kế	689.843.339.896	21.119.253.766	710.962.593.662
421a	3.1 Lãi lũy kế đến cuối năm trước	(2.477.869.088.754)	(76.393.520.325)	(2.554.262.609.079)
421b	3.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	3.167.712.428.650	97.512.774.091	3.265.225.202.741
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	137.049.087.574.133	698.762.409.400	137.747.849.983.533

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo hoạt động:

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước (Đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm trước (Trình bày lại)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm	(775.840.763.594)	53.226.692.302	(722.614.071.292)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần	17.035.014.036.599	53.226.692.302	17.088.240.728.901
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.035.020.643.329	53.226.692.302	17.088.247.335.631
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	376.806.577.849	(7.738.337.025)	369.068.240.824
15	9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	(18.170.660.095.514)	(7.738.337.025)	(18.178.398.432.539)
17	11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(19.205.897.726.236)	(7.738.337.025)	(19.213.636.063.261)
18	12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(2.170.877.082.907)	45.488.355.277	(2.125.388.727.630)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.125.019.130.109)	168.623.603.996	(2.956.395.526.113)
30	18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(911.846.091.821)	214.111.959.273	(697.734.132.548)
50	22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.023.684.778.371	214.111.959.273	4.237.796.737.644
51	23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(688.737.103.575)	(147.659.870.714)	(836.396.974.289)
52	24. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(513.539.375)	36.192.936.800	35.679.397.425
60	25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.334.434.135.421	102.645.025.359	3.437.079.160.780

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước (Đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm trước (Trình bày lại)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
08	Lợi nhuận trước thuế	4.023.684.778.371	214.111.959.273	4.237.796.737.644
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8.368.520.318.809	214.111.959.273	8.582.632.278.082
11	Tăng các khoản phải trả	475.264.865.607	(214.111.959.273)	261.152.906.334

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Thuyết minh số 28.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Điều chỉnh VND</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại) VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	660.130.129.348	147.659.870.714	807.790.000.062
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	513.539.375	(36.192.936.800)	(35.679.397.425)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	28.606.974.227	-	28.606.974.227
Tổng cộng	689.250.642.950	111.466.933.914	800.717.576.864
	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Điều chỉnh VND</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại) VND</i>
Tổng lợi nhuận trước thuế	4.023.684.778.371	214.111.959.273	4.237.796.737.644
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2023: 20%)	804.736.955.674	42.822.391.855	847.559.347.529
Các khoản điều chỉnh tăng			
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	28.606.974.227	-	28.606.974.227
Chi phí không được khấu trừ	3.556.792.273	68.644.542.059	72.201.334.332
Các khoản điều chỉnh giảm			
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(147.650.079.224)	-	(147.650.079.224)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	689.250.642.950	111.466.933.914	800.717.576.864

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Thuyết minh số 28.3 Thuế TNDN hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Năm trước (Đã trình bày trước đây) VND
				Điều chỉnh VND
				Năm trước (Trình bày lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	485.209.220.175	-	485.209.220.175	(2.304.919.696)
Chi phí thường nhân viên điều hành	13.785.429.512	-	13.785.429.512	4.302.241.661
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(7.086.925.139)	-	(7.086.925.139)	(2.356.142.694)
Dự phòng đầu tư	1.010.972.711	-	1.010.972.711	(154.718.646)
Bảo tức chia cho chủ hợp đồng tham gia chia lãi	-	698.762.409.400	698.762.409.400	36.192.936.800
	492.918.697.259	698.762.409.400	1.191.681.106.659	(513.539.375)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	492.918.697.259	698.762.409.400	1.191.681.106.659	36.192.936.800
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			(513.539.375)	35.679.397.425

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Thuyết minh số 14 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Trong năm						
	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp (Đã trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh VND	Số phải nộp (Trình bày lại) VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm (Đã trình bày trước đây) VND	Số cuối năm (Trình bày lại) VND
Phải trả							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	941.742.326.698	688.737.103.575	147.659.870.714	836.396.974.289	(247.140.935.938)	482.530.144.196	1.530.998.365.049
Thuế thu nhập cá nhân	7.072.880.895	33.340.967.776	-	33.340.967.776	(35.957.846.081)	4.456.002.590	4.456.002.590
Thuế thu nhập cá nhân viên	41.142.574.730	272.709.704.224	440.338.094	273.150.042.318	(290.602.763.749)	22.882.717.347	23.689.853.299
Thuế nhà thầu	15.841.738.598	14.174.756.137	-	14.174.756.137	(13.506.264.120)	1.544.747.156	16.510.230.615
Thuế giá trị gia tăng	44.260.205	725.709.528	-	725.709.528	(727.226.505)	42.743.228	42.743.228
	1.005.843.781.126	1.009.688.241.240	148.100.208.808	1.157.788.450.048	(587.935.036.393)	511.456.354.517	1.575.697.194.781

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Thuyết minh số 13 – Phải trả người bán

	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh/ Phân loại VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	2.942.873.764.711	(57.424.709.493)	2.885.449.055.218
Bảo tức và lãi	2.043.556.016.980	-	2.043.556.016.980
Hoa hồng và chi phí đại lý	218.446.081.345	-	218.446.081.345
Giá trị tài khoản của hợp đồng còn trong thời hạn khôi phục hiệu lực	26.948.301.926	-	26.948.301.926
Bồi thường và trả tiền bảo hiểm	473.849.245.969	(16.071.990)	473.833.173.979
Phải trả quỹ Liên kết đơn vị (*)	78.051.244.342	-	78.051.244.342
Phải trả cho hoạt động tái bảo hiểm	89.931.257.234	(45.488.355.277)	44.442.901.957
Các khoản phải trả khác	12.091.616.915	(11.920.282.226)	171.334.689
Phải trả khác cho người bán	151.536.826.059	(50.333.446.685)	101.203.379.374
Phải trả cho nhà cung cấp	58.989.141.412	-	58.989.141.412
Các khoản ký quỹ của đại lý	62.269.800.901	(62.269.800.901)	-
Phải trả hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh số 30)	30.277.883.746	-	30.277.883.746
Các khoản phải trả khác	-	11.936.354.216	11.936.354.216
	3.094.410.590.770	(107.758.156.178)	2.986.652.434.592

Trích từ Thuyết minh số 16.1 – Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh/ Phân loại VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.731.205.836.900	(341.413.733.073)	2.389.792.103.827
Thường nhân viên điều hành	68.927.147.561	-	68.927.147.561
Phải trả đại lý	14.343.721.980	-	14.343.721.980
Các khoản phải trả khác	74.065.289.084	62.269.800.901	136.335.089.985
	2.888.541.995.525	(279.143.932.172)	2.609.398.063.353

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Thuyết minh số 20 – Phí nhượng tái bảo hiểm

	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Điều chỉnh VND</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại) VND</i>
Bảo hiểm liên kết đầu tư	730.694.413.984	(53.717.296.569)	676.977.117.415
Bảo hiểm hỗn hợp	37.648.244.043	-	37.648.244.043
Bảo hiểm tử kỳ	358.635.935	-	358.635.935
Bảo hiểm sức khỏe	7.139.469.632	490.604.267	7.630.073.899
	775.840.763.594	(53.226.692.302)	722.614.071.292

Trích từ Thuyết minh số 25 – Chi phí bán hàng

	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Phân loại VND</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại) VND</i>
Chi phí thi đua, hội nghị	350.142.886.585	(9.051.891.856)	341.090.994.729
Chi phí khen thưởng và hỗ trợ đại lý	332.652.304.956	(20.023.933.102)	312.628.371.854
Chi phí khuyến mãi và tiếp thị	141.143.092.330	(20.123.681.652)	121.019.410.678
Chi phí hỗ trợ kênh phân phối	376.310.953.366	-	376.310.953.366
Chi phí dịch vụ khác	513.753.366.592	30.803.833.152	544.557.199.744
Chi phí khác	11.327.710.150	18.395.673.458	29.723.383.608
	1.725.330.313.979	-	1.725.330.313.979

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ Thuyết minh số 26 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Điều chỉnh/ Phân loại VND</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại) VND</i>
Chi phí lương, thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên	1.314.885.834.407	(1.314.885.834.407)	-
Chi phí lương và bảo hiểm bắt buộc (bao gồm nhân viên chính thức và đội ngũ thuê ngoài)	-	928.125.227.321	928.125.227.321
Chi phí phúc lợi khác cho nhân viên	-	386.760.607.086	386.760.607.086
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	684.375.852.177	(165.067.965.559)	519.307.886.618
Chi phí hệ thống công nghệ thông tin	336.947.581.427	(3.555.638.437)	333.391.942.990
Chi phí thuê văn phòng	280.505.004.462	-	280.505.004.462
Chi phí vận hành văn phòng	190.496.629.575	-	190.496.629.575
Chi phí ngân hàng	151.232.794.766	-	151.232.794.766
Chi phí thông tin liên lạc	49.280.750.096	-	49.280.750.096
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	49.055.009.641	-	49.055.009.641
Chi phí công tác	27.845.219.254	-	27.845.219.254
Chi phí quảng cáo và đào tạo	22.989.274.367	-	22.989.274.367
Chi phí khác	17.405.179.937	-	17.405.179.937
	3.125.019.130.109	(168.623.603.996)	2.956.395.526.113

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Bà Lê Thị Hoàng Trúc
Kế toán trưởng



Ông Rajeev Kumar
Phó Tổng Giám đốc
Khối Tài chính



Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026